

Ngày 29/12/2023	400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-33.3%	-42.9%	-60.0%

Hệ số nguy cơ phá sản

Z - score (sản xuất)
2023**(Ca)**
An toànDT
thuần

2023

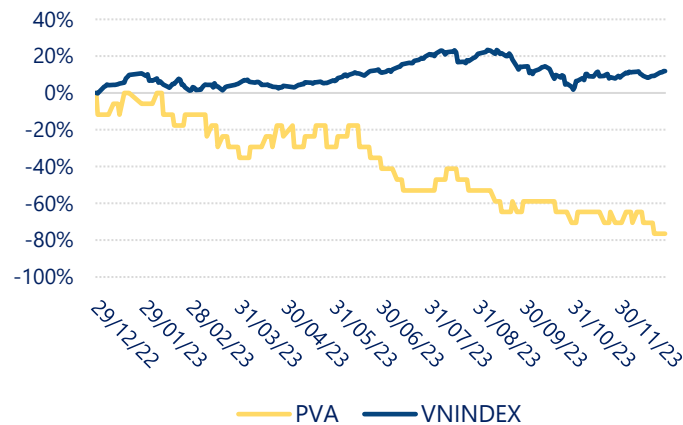
tỷ VNĐ

LN sau
thuế

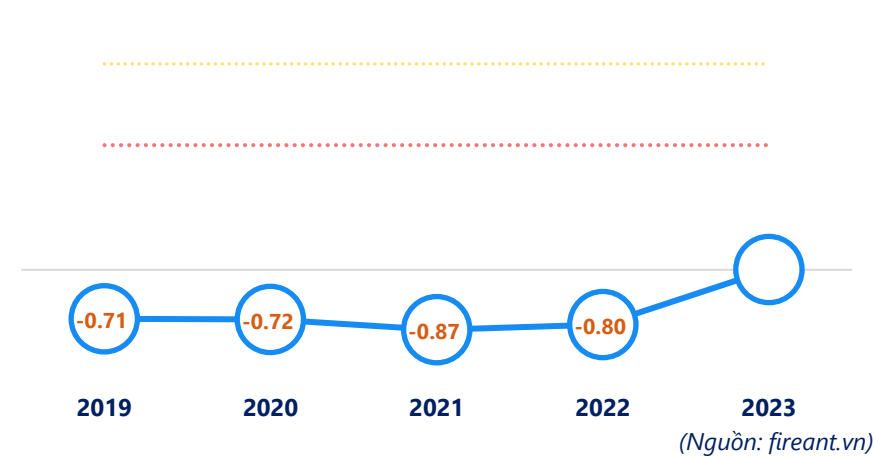
2023

tỷ VNĐ

Tỷ suất lợi nhuận

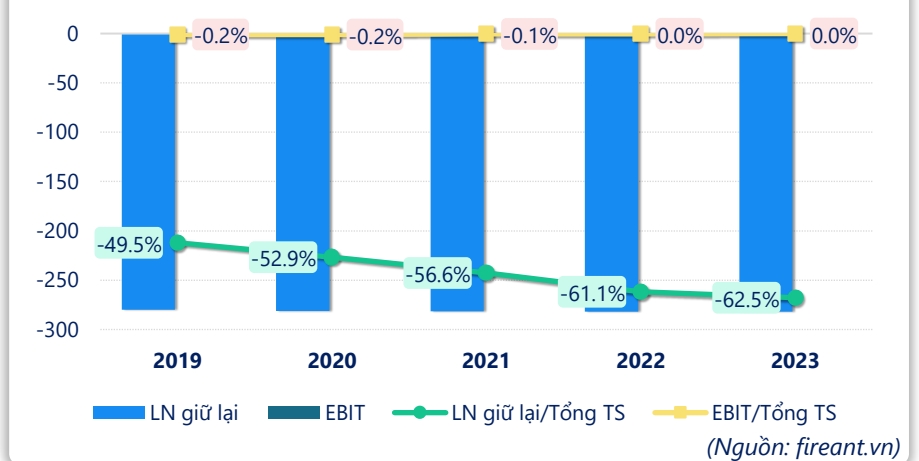


Z - Score

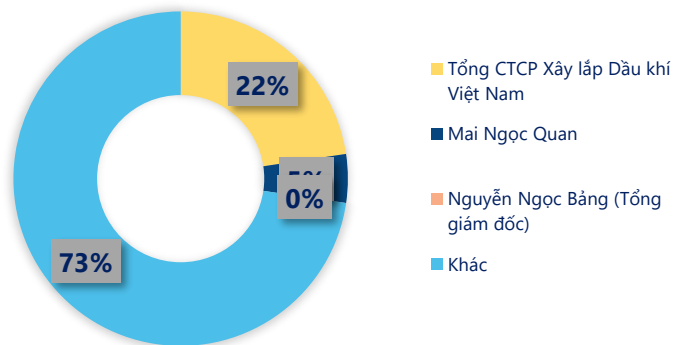


tỷ VNĐ

LN giữ lại - EBIT



Cơ cấu cổ đông



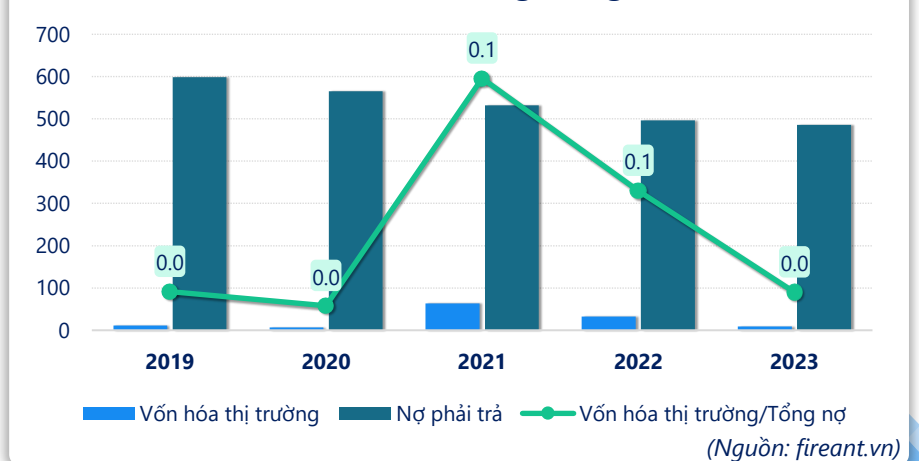
tỷ VNĐ

Vốn lưu động/Tổng TS

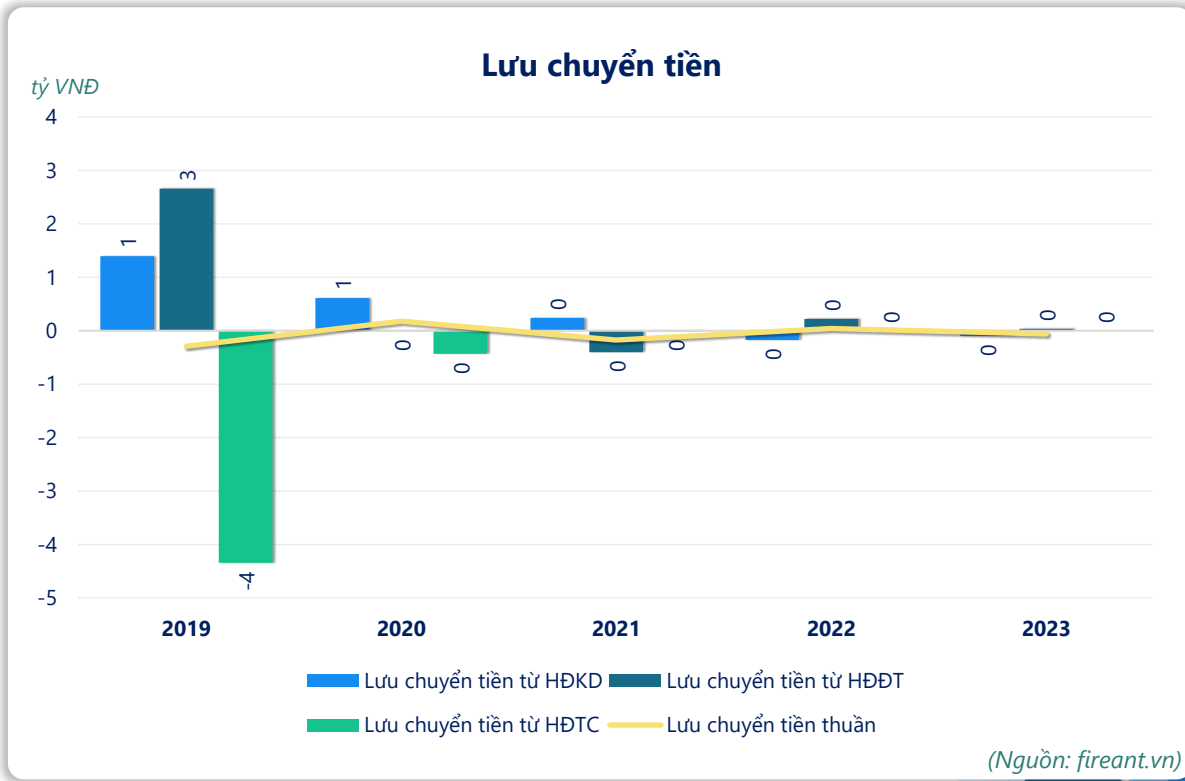
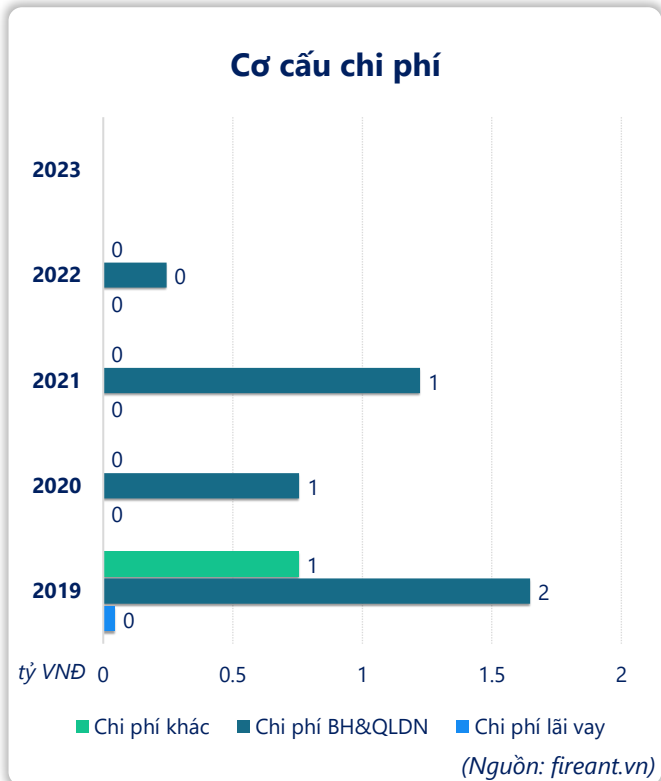
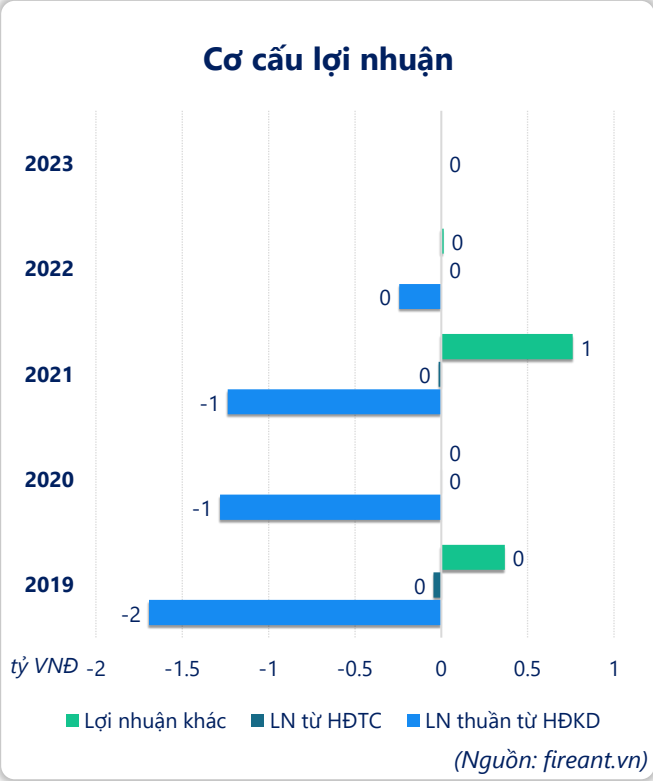
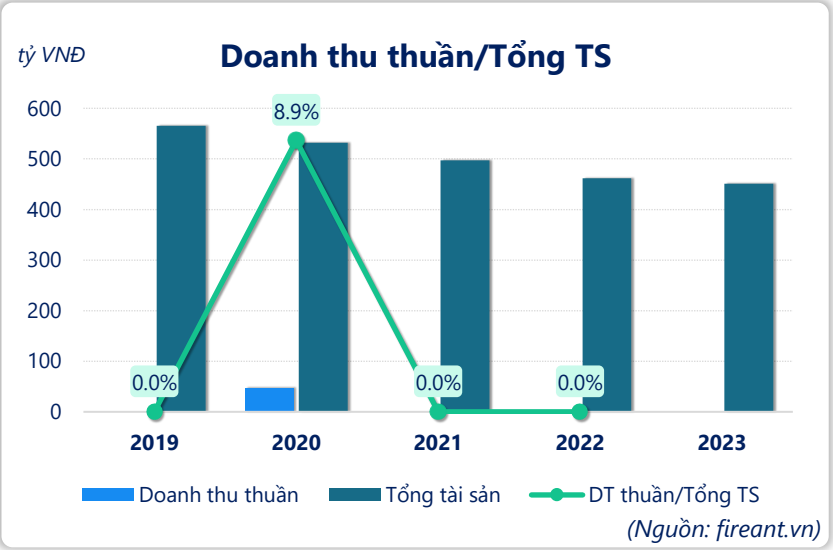
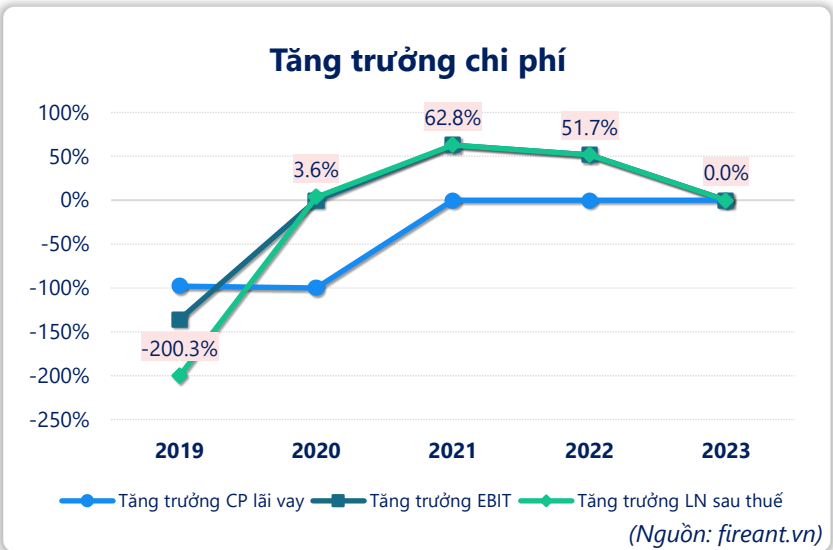
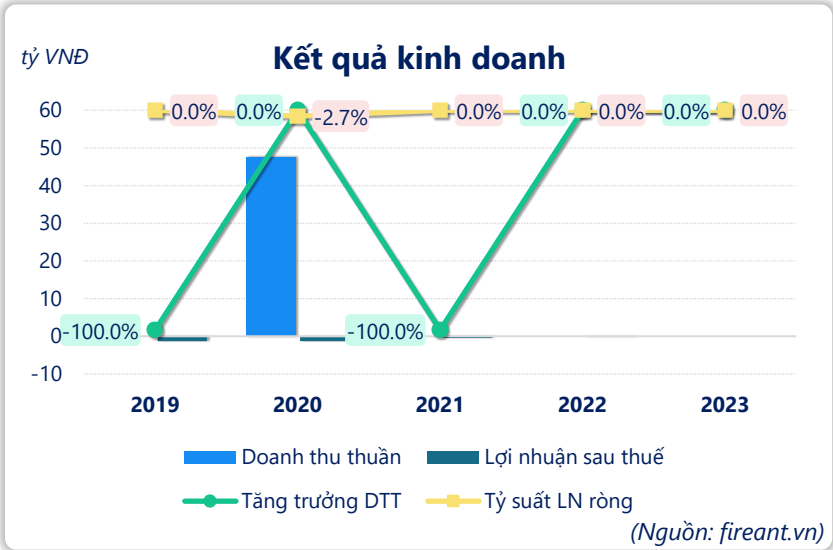


tỷ VNĐ

Vốn hóa thị trường/Tổng nợ



CTCP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (UPCOM: PVA)



CÁC ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	451	462	-2.2%
Tài sản ngắn hạn	434	445	-2.3%
Tiền và tương đương tiền	0.57	0.60	-5.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	376	387	-2.7%
Hàng tồn kho	57.1	57.1	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.13	0.13	0.0%
Tài sản dài hạn	17.0	17.0	0.0%
Phải thu dài hạn	2.14	2.14	0.0%
Tài sản cố định	11.1	11.1	0.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.09	1.09	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.96	1.96	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.67	0.67	0.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	486	496	-2.1%
Nợ ngắn hạn	423	437	-3.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.8	30.8	-42.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	121	121	0.0%
Nợ dài hạn	62.4	59.6	4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-34.6	-34.6	0.0%
Vốn chủ sở hữu	-34.6	-34.6	0.0%
Vốn điều lệ	218	218	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	0	47.6	0	0	
Giá vốn hàng bán	0	48.1	0	0	
Lợi nhuận gộp	0	-0.53	0	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	
Chi phí TC	0.05	0	0.02	0	
Chi phí lãi vay	0.05	0	0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	
Chi phí QLDN	1.65	0.76	1.22	0.24	
LN thuần từ HĐKD	-1.69	-1.28	-1.24	-0.24	
Lợi nhuận khác	0.37	0	0.76	0.01	
LN trước thuế	-1.32	-1.28	-0.48	-0.23	
Lợi nhuận sau thuế	-1.33	-1.28	-0.48	-0.23	
LNST của CĐ cty mẹ	-1.33	-1.28	-0.48	-0.23	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.40	0.61	0.24	-0.18	-0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.66	0.00	-0.40	0.22	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.35	-0.43	-0.01	0	0
Tiền đầu kỳ	0.84	0.55	0.73	0.55	0.60
Lưu chuyển tiền thuần	-0.29	0.18	-0.17	0.04	-0.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.55	0.73	0.55	0.60	0.57

(Nguồn: fireant.vn)